

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

b) Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án gắn với nguồn lực triển khai nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh.

c) Xác định nội dung trọng tâm, tiên độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án; xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư” để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể.

d) Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; sớm đưa dự án vào sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

đ) Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

e) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn và các quy hoạch không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch;

- Tổ chức rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Chủ động hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển của địa phương và phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách của vùng và những đề án trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá cho phát triển tỉnh, vùng và ngành (cả nước).

3. Triển khai thực hiện các dự án theo Quy hoạch tỉnh

a) Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản của cấp có thẩm quyền liên quan về đầu tư công.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng từ các dự án đã và đang thực hiện từ nguồn vốn đầu tư công nhằm phát huy hiệu quả công trình, dự án mang lại; lấy đầu tư công kích hoạt mọi nguồn lực của xã hội.

- Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng; hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội, khoa học và công

nghe; hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhất là các đô thị động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả;

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê điều, cấp nước, xử lý rác thải, nước thải, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển xanh và phát triển bền vững; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới của tỉnh.

b) Các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Đẩy mạnh thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư bao gồm:

* Phát triển 4 lĩnh vực tạo đột phá: Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, cải cách thủ tục thẩm định phê duyệt các dự án đầu tư; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện chuyển đổi số.

* Phát triển 5 ngành trọng điểm: Năng lượng tái tạo; du lịch; dịch vụ logistic; công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp hàng hóa, áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.

* Phát triển 4 hành lang động lực phát triển kinh tế: Hành lang kinh tế trung tâm - từ hai bên quốc lộ 1 đến hai bên đường bộ cao tốc; hành lang kinh tế ven biển; hành lang Đông - Tây kết nối quốc tế với Lào, Thái Lan và tiểu vùng sông Mê Kông; hành lang kinh tế biên giới. Trong đó, hành lang kinh tế trung tâm và hành lang kinh tế ven biển đóng vai trò động lực phát triển chính.

c) Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại kế hoạch thực hiện quy hoạch

- Định hướng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo các ngành, lĩnh vực.

(Chi tiết Danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục kèm theo).

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư nêu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này được thực hiện theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023; quy hoạch ngành quốc gia và Kế hoạch thực hiện; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

4. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2025 và 2026 - 2030 theo đúng quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho phát triển của tỉnh.

5. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm là 8,2% trong thời kỳ 2021 - 2030, dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 434,056 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2021 - 2030
	TỔNG	Tỷ đồng	139.713	294.343	434.056
1	Nguồn vốn khu vực nhà nước ¹	Tỷ đồng	32.134	44.152	76.286
	Tỷ trọng	%	23	18	17,6
2	Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	Tỷ đồng	101.990	223.701	325.691

¹ Gồm ngân sách nhà nước từ trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước.

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2021 - 2030
	Tỷ trọng	%	73	76	75
3	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	Tỷ đồng	5.589	26.490	32.079
	Tỷ trọng	%	4	6	7,5

Ghi chú: Số vốn của khu vực Nhà nước sẽ được quyết định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn và Kế hoạch ngân sách theo pháp luật về đầu tư công và pháp luật ngân sách nhà nước; số vốn khu vực ngoài nhà nước, FDI phụ thuộc vào khả năng thu hút đầu tư của địa phương. Về cơ cấu nguồn vốn: tăng dần tỷ trọng khu vực ngoài ngân sách, FDI và giảm dần tỷ trọng khu vực nhà nước.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, ưu tiên các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên kết vùng, tạo động lực phát triển.

b) Thực hiện các chính sách thu hút đầu tư dưới nhiều hình thức, huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, ưu tiên thu hút vốn đầu tư vào xây dựng hạ tầng, vào các dự án về năng lượng và các dự án động lực, công trình giao thông trọng điểm, phát triển văn hóa và các ngành công nghiệp văn hóa.

c) Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu tốt, có năng lực tài chính lớn, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư ở những quy mô khác nhau.

Huy động nguồn lực từ tài chính, đất đai để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất là tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả; đồng thời, khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không có nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước để đáp ứng nhu cầu đổi mới phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

b) Mở rộng mạng lưới đào tạo nghề và thay đổi cơ cấu đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đào tạo, linh hoạt và thiết thực. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học nghề, tìm kiếm việc làm. Tăng cường việc liên kết đào tạo nghề, đào tạo chuyên nghiệp với các cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng tốt trong và ngoài nước.

3. Phát triển khoa học và công nghệ

a) Thực hiện tốt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ thành lập mới những tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc lĩnh vực mà nhà nước hoặc tỉnh cần khuyến khích phát triển nhưng các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không quan tâm đầu tư, thành lập. Chuyển các tổ chức nghiên cứu cơ bản vào các cơ sở giáo dục đào tạo và chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng vào các doanh nghiệp.

b) Ban hành các chính sách tuyển dụng và đãi ngộ thỏa đáng về lương, điều kiện làm việc, chỗ ở nhằm thu hút cán bộ khoa học và công nghệ giỏi về tỉnh làm việc. Có chính sách tôn vinh nhân tài, chính sách khen thưởng thỏa đáng kết quả sáng tạo khoa học và công nghệ, các ứng dụng khoa học và công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội lớn. Lựa chọn một giải thưởng khoa học và công nghệ cấp tỉnh định kỳ dành trao tặng cho các nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao vào thực tiễn.

c) Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khoa học và công nghệ của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cũng như Thái Lan đề xuất các hướng, chủ đề nghiên cứu khoa học công nghệ chung, nhằm thúc đẩy mối liên kết các vùng trọng điểm phát triển trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như các địa phương của nước bạn.

4. Bảo đảm an sinh xã hội

a) Thực hiện tốt các chế độ, chính sách chăm lo người có công với cách mạng và các đối tượng bảo trợ xã hội; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền; bảo đảm an sinh xã hội, tiến bộ, công bằng xã hội, đặc biệt là đối với người có công, đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, biên giới, hải đảo, người có thu nhập thấp, đối tượng yếu thế.

b) Thực hiện đầy đủ các quyền trẻ em; bình đẳng giới; nâng cao chất lượng sống mọi mặt của nhân dân, bảo đảm hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần theo các tiêu chí của “hạnh phúc”.

5. Về bảo vệ môi trường

a) Thực hiện phân vùng môi trường để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

b) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại. Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng các khu xử lý chất thải tập trung; đa dạng hóa các công nghệ xử lý chất thải, khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.

c) Quản lý, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường: Quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ; kiểm soát chặt chẽ các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước dưới đất trong hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất; kiểm soát tác động từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến môi trường nước dưới đất.

d) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quy hoạch phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của các khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa, Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông, Khu Bảo tồn biển đảo Côn Cỏ. Phân khu phục hồi sinh thái, dịch vụ hành chính, vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên; Khu bảo vệ cảnh quan Rú Lịnh, rừng đặc dụng Côn Cỏ; hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hương Hóa; nâng cấp 02 Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa và Đakrông thành vườn quốc gia; quy hoạch chuyển tiếp Khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ, Khu bảo vệ cảnh quan Rú Lịnh. Duy trì và phát triển mạng lưới quan trắc, giám sát môi trường đồng bộ, hiện đại, tích hợp với hệ thống quan trắc môi trường quốc gia. phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp.

đ) Thúc đẩy các mô hình tăng trưởng bền vững. Phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao. Chú trọng phát triển đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế. Hoàn thành các công trình trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cấp hạ tầng kết nối giữa các vùng, miền trong tỉnh và các tỉnh vùng duyên hải miền Trung và kết cấu hạ tầng đô thị. Cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương.

b) Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phân bổ vốn theo kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên cho các công trình hạ tầng trọng điểm, cấp thiết, có tính lan toả, động lực.

c) Huy động và khai thác mạnh mẽ tiềm năng các nguồn lực trong nước, ngoài nước để đầu tư phát triển. Tăng cường các biện pháp để quản lý và bồi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; đồng thời, tích cực giải quyết các vướng mắc trong lĩnh vực thuế để tạo điều kiện giúp các cơ sở sản xuất kinh doanh đẩy mạnh hoạt động và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.

d) Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế tư nhân cho phát triển kết cấu hạ tầng và các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế; chú trọng phát triển kinh tế tập thể; tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các công ty lâm nghiệp, gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành các vùng có quỹ đất tập trung có quy mô lớn làm cơ sở cho việc thu hút, kêu gọi đầu tư.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện phát triển kinh tế xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở cập nhật, liên thẩm chặt chẽ với Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Trị.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn

đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị (iii) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 254/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án dự kiến đầu tư (nếu có), chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh biết, hiểu, nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng Quy hoạch tỉnh, tạo nền tảng nhận thức thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Định kỳ báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.